

Số: 1622/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1224/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số A đường P, phường T (Khu phố B, Phường H, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Vũ Minh H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số A đường P, phường T (Khu phố B, Phường H, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mai L ông Vũ Minh H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 12/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện X (nay là xã X), tỉnh Đồng Nai.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 19/11/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành 23/12/2025, bà Nguyễn Thị Mai L và ông Vũ Minh H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Về con chung: Hai đương sự xác nhận có 01 con chung tên là Vũ Nhật L1, sinh ngày 18/02/2021. Đôi bên thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị Mai L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vũ Nhật L1, sinh ngày 18/02/2021. Ông Vũ Minh H cấp dưỡng nuôi trẻ Vũ Nhật L1 mỗi tháng 5.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 02/01/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Mai L và ông Vũ Minh H thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm

sóc, giáo dục và cấp dưỡng cho con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai L và ông Vũ Minh H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 12/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện X (nay là xã X), tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Vũ Nhật L1, sinh ngày 18/02/2021.

Giao trẻ Vũ Nhật L1 cho bà Nguyễn Thị Mai L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Vũ Minh H cấp dưỡng trẻ Vũ Nhật L1 5.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày 02/01/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Vũ Minh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Mai L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Vũ Minh H chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Mai L và ông Vũ Minh H phải chịu lệ phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0044435 ngày 01/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Tp.HCM;
- Phòng THAQDS Khu vực 7 – Tp.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Nga